

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST

Ngày: 30 - 01 - 2023

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Hận

Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 685/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 348/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồng Thị T, sinh năm 1967; Cư trú: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh C. (Có mặt).

Bị đơn:

- Bà Hồ Thị H, sinh năm 1972 (Có mặt);

- Ông Hà Văn M, sinh năm 1970 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp 2, xã K, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồng Thị T trình bày:

- Bà làm chủ hui, vào ngày 10/9/2018 âm lịch, bà mở dây hui loại 1.000.000 đồng, gồm 21 phần, mỗi tháng mở hui một lần. Vợ chồng bà Hồ Thị H và ông Hà Văn M tham gia 01 phần. Tại kỳ hui thứ hai (Ngày 10/10/2018 âm lịch), vợ chồng bà H bỏ hui giá 390.000 đồng, hót hui được số tiền 16.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng, còn lại 15.500.000 đồng. Bà đã giao tiền hui đầy đủ cho vợ chồng bà H. Dây hui đã mãn vào ngày 10/5/2020 âm lịch. Tính đến ngày mãn hui, vợ chồng bà H còn nợ bà tổng số tiền hui chết là 12.500.000 đồng.

- Đây là nợ chung của vợ chồng bà H và ông M đối với bà, bởi ông M biết

việc tham gia hội và nhiều lần trực tiếp đóng tiền hội cho bà nên nay bà yêu cầu vợ chồng bà H và ông M liên đới trả cho bà tổng số tiền hội chết là 12.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Hồ Thị H trình bày:

- Bà thống nhất với lời trình bày của bà Hồng Thị T về việc tham gia hội, hốt hội và số tiền hội chết bà còn nợ bà T là 12.500.000 đồng.

- Bà dùng tiền hội để chi tiêu trong gia đình nhưng chồng bà là ông Hà Văn M không biết việc bà tham gia hội nên bà sẽ tự chịu trách nhiệm đối với khoản nợ hội của bà T.

Đối với bị đơn ông Hà Văn M: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông M để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng ông M không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông M đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do bị đơn ông Hà Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồng Thị T về việc đòi bị đơn bà Hồ Thị H, ông Hà Văn M trả nợ hội số tiền 12.500.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất xác định: Vào ngày 10/9/2018 âm lịch, bà Hồng Thị T mở dây hội loại 1.000.000 đồng, gồm 21 phần, mỗi tháng mở hội một lần, bà Hồ Thị H tham gia 01 phần (Đứng tên Hiền trên danh sách hội), tại kỳ hội thứ hai (Ngày 10/10/2018 âm lịch), bà H bỏ hội giá 390.000 đồng, lĩnh hội được số tiền 16.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng, còn lại 15.500.000 đồng, bà T đã giao tiền hội cho bà H, dây hội đã mãn vào ngày 10/5/2020 âm lịch, bà H còn nợ bà T số tiền 12.500.000 đồng.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Do bà H thừa nhận còn nợ bà T số tiền 12.500.000 đồng nên bà T không phải chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà T, buộc bị đơn bà H trả cho bà T số tiền này.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Từ thời điểm bà H giao dịch hội với bà T đến nay giữa bà H và ông M tồn tại mối quan hệ hôn nhân, bà H xác định dùng tiền hội

để chi tiêu trong gia đình nên cần buộc ông M liên đới với bà H trả nợ cho bà T là phù hợp.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn bà H, ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 625.000 đồng. Bà T không phải chịu án phí, đã dự nộp, được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồng Thị T.

Buộc bà Hồ Thị H và ông Hà Văn M liên đới trả cho bà Hồng Thị T số tiền 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về án phí:

- Bà Hồ Thị H và ông Hà Văn M phải chịu án phí số tiền 625.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), chưa nộp.

- Bà Hồng Thị T không phải chịu án phí. Ngày 24/11/2022, bà T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005768 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Hồng Thị T và bị đơn bà Hồ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Hà Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thờ;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà